

Số 609 /SYT-NVD  
V/v báo cáo tình hình thực hiện kết quả  
lựa chọn nhà thầu thuộc danh mục đấu  
thầu tập trung quốc gia Quý IV/2018

Đồng Nai, ngày 15 tháng 02 năm 2019

Kính gửi:

- Giám đốc các đơn vị trực thuộc Sở Y tế;
- Giám đốc các cơ sở y tế trực thuộc Trung ương, Ngành trên địa bàn tỉnh;
- Giám đốc các Bệnh viện, Phòng khám đa khoa tư nhân trên địa bàn tỉnh.

(sau đây gọi tắt là các cơ sở y tế)

Sở Y tế nhận được Công văn số 21/TTMS- NVĐT ngày 30/01/2019 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia – Bộ Y tế về việc báo cáo tình hình thực hiện kết quả lựa chọn nhà thầu thuộc danh mục đấu thầu tập trung quốc gia Quý IV/2018. Theo đó, tỉnh Đồng Nai có một số hoạt chất có tỷ lệ thực hiện kết quả trúng thầu thấp (dưới 25%) so với giá trị trúng thầu được phân bổ.

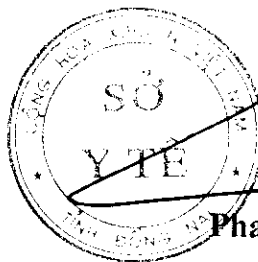
Sở Y tế thông báo để các cơ sở y tế được biết./.

(đính kèm Công văn số 21/TTMS- NVĐT ngày 30/01/2019 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia – Bộ Y tế).

**Nơi nhận**

- Như trên (thực hiện);
- BGĐ SYT (để biết);
- BHXH tỉnh ĐN (phối hợp chỉ đạo);
- Website SYT Đồng Nai;
- Lưu VT, NVD.

**GIÁM ĐỐC**



**Phan Huy Anh Vũ**

**BỘ Y TẾ  
TRUNG TÂM MUA SẮM  
TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA**

Số: 21 /TTMS-NVD

V/v báo cáo tình hình thực hiện kết quả lựa chọn nhà thầu thuộc danh mục đấu thầu tập trung thuốc quốc gia Quý IV/2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2019

Kính gửi:

- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Y tế các Bộ/ngành;
- Các bệnh viện/viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế;
- Các Công ty được lựa chọn trúng thầu

Căn cứ theo Quyết định số 06/QĐ-TTMS ngày 20/3/2018 về việc ban hành Quy trình báo cáo thực hiện kết quả đấu thầu và điều tiết số lượng thuốc trúng thầu và công văn số 10/TTMS-NVD ngày 16/01/2019 về việc hướng dẫn báo cáo tình hình thực hiện kết quả ĐTTT cấp Quốc gia và Đàm phán giá, Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia (Trung tâm MSTTQG) tổng hợp tình hình thực hiện hợp đồng cung cấp thuốc năm 2018 theo báo cáo của nhà thầu, kết quả cụ thể như sau:

**I. Tình hình thực hiện hợp đồng cung cấp thuốc đến 31/12/2018:**

1. Giá trị thực hiện đến ngày 31/12/2018 tất cả các gói thầu là 36,10% (852.827.316.647VNĐ / 2.362.162.597.114 VNĐ) theo báo cáo của nhà thầu, cụ thể:

- Gói 1 (thuốc biệt dược): thực hiện 39,42% (633.002.274.854 VNĐ/ 1.605.669.335.789 VNĐ);
- Gói 2 (thuốc generic cung cấp cho miền Bắc): thực hiện 28,7% (75.063.447.375 VNĐ/ 261.519.537.348 VNĐ);
- Gói 3 (thuốc generic cung cấp cho Trung du và miền núi phía Bắc): thực hiện 40,68% (13.682.769.058 VNĐ/ 33.633.228.349 VNĐ);
- Gói 4 (thuốc generic cung cấp cho miền Trung): thực hiện 22,5% (24.888.853.168 VNĐ/ 110.629.575.180 VNĐ);
- Gói 5 (thuốc generic cung cấp cho miền Nam): thực hiện 32,49% (105.857.010.192 VNĐ/ 325.788.155.448 VNĐ);
- Gói thầu cung cấp capecitabin nhóm 2 cho các CSYT trên toàn quốc: thực hiện 1,34% (332.962.000 VNĐ/ 24.922.765.000 VNĐ).

2. Kết quả thực hiện trong 01 năm tính theo từng hoạt chất:

- Giá trị thực hiện thuốc Anastrozol cao nhất 42,27%
- Giá trị thực hiện thuốc Paclitaxel thấp nhất 19,07%.

*Tỷ lệ thực hiện của từng hoạt chất theo các nhóm tại Bảng 1 kèm theo công văn này.*

3. Có 19/127 cơ sở y tế có hoạt chất có tỷ lệ thực hiện trên 80%. Danh sách 19 cơ sở y tế tại Bảng 2 kèm theo công văn này.

Các đơn vị có hoạt chất có tỷ lệ thực hiện trên 80% hoặc dưới 25% chủ động tra cứu thông tin tại Phụ lục 1 file báo cáo thực hiện kết quả đấu thầu tập trung cấp quốc gia cập nhật hàng quý

trên Công thông tin điện tử của Bộ Y tế để lập kế hoạch điều tiết thuốc đảm bảo cung ứng thuốc cho nhu cầu điều trị.

4. Có 30/59 Sở Y tế tỉnh/thành phố và 10/22 Bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế có giá trị thực hiện kết quả trúng thầu thấp so với giá trị trúng thầu được phân bổ (dưới 25%). Danh sách 17 đơn vị có giá trị phân bổ trên 5 tỷ VNĐ nhưng có tỷ lệ thực hiện thấp (dưới 25%) tại Bảng 3 kèm theo công văn này.

5. Chi tiết kết quả thực hiện tại file báo cáo thực hiện kết quả đấu thầu tập trung cấp quốc gia kèm theo công văn này được đăng tải trên công thông tin điện tử của Bộ Y tế tại địa chỉ <http://moh.gov.vn> (mục Thông tin văn bản sau ngày 01/4/2016, chọn cơ quan ban hành: Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia) hoặc tại đường link: <http://www.mediafire.com/?loilzqrc7cx64>

▪ *Phụ lục 1:* Báo cáo chi tiết tình hình thực hiện theo từng mặt hàng của từng cơ sở y tế. Các cơ sở y tế cần lưu ý các hoạt chất đến 31/12/2018 có tỷ lệ nhập hàng dưới 25% số lượng được phân bổ.

▪ *Phụ lục 2:* Báo cáo tổng hợp giá trị thực hiện của các SYT và các BVTW.

## II. Tình hình thực hiện báo cáo trên hệ thống phần mềm:

Để tạo điều kiện thuận lợi cho Sở Y tế các tỉnh/thành phố và Trung tâm MSTTQG thực hiện công tác giám sát, tổng hợp báo cáo về tình hình thực hiện kết quả đấu thầu tập trung cấp Quốc gia và đàm phán giá của các cơ sở y tế, Trung tâm MSTTQG đã có công văn số 10/TTMS-NVD ngày 16/01/2019 hướng dẫn các đơn vị thực hiện báo cáo tình hình thực hiện kết quả trên phần mềm. Đối với báo cáo Quý IV năm 2018, một số Sở Y tế tỉnh, thành phố và Bệnh viện Trung ương đã gửi báo cáo qua phần mềm về Trung tâm MSTTQG. Đề nghị các cơ sở y tế và nhà thầu tiếp tục thực hiện chế độ báo cáo kết quả đấu thầu tập trung và đàm phán giá năm 2019 trên phần mềm.

## III. Trung tâm MSTTQG đề nghị các cơ sở y tế một số nội dung như sau:

1. Đảm bảo thực hiện kết quả trúng thầu thuộc danh mục đấu thầu tập trung cấp Quốc gia cân đối giữa các nhóm thuốc và theo đúng quy định tại Điều 28 Thông tư số 11/2016/TT-BYT ngày 11/5/2016 của Bộ Y tế về việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập.

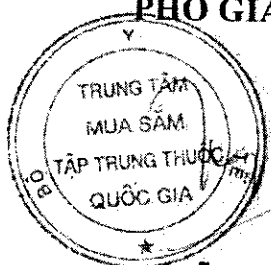
2. Các cơ sở y tế lưu ý sử dụng để đảm bảo đạt tối thiểu 80% số lượng trúng thầu phân bổ đối với các thuốc generic của hoạt chất Oxaliplatin 100mg và Paclitaxel 100mg có giá thuốc trúng thầu thấp hơn so với các dạng hàm lượng khác nhưng tỉ lệ thực hiện kết quả ĐTTT cấp Quốc gia rất thấp, chưa đạt 50% số lượng nhu cầu đề nghị năm 2018 của các cơ sở y tế.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc chưa rõ, đề nghị các đơn vị thông báo về Trung tâm MSTTQG để cùng xem xét, phối hợp giải quyết.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. Nguyễn Trường Sơn (để báo cáo);
- GD Trung tâm MSTTQG (để báo cáo);
- Công TT Điện tử Bộ Y tế;
- Lưu: VT, NVD.

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Quỳnh Hoa

**Bảng 1: TỔNG HỢP BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾT QUẢ ĐẤU THẦU TẬP TRUNG GÓI  
GENERIC THEO NHÓM TIÊU CHÍ KỸ THUẬT**

STT	Tên hoạt chất	Phân nhóm	Số lượng phân bổ (viên/lọ)	Giá trị phân bổ (VNĐ)	Số lượng thực hiện năm 2018 (viên/lọ)	Giá trị thực hiện năm 2018 (VNĐ)	Tỷ lệ thực hiện năm 2018
1	Anastrozol	BDG	1.376.077	92.392.561.934	731.472	49.112.493.024	53,16%
2	Anastrozol	Nhóm 1 + 2	1.924.358	17.863.299.040	863.148	8.011.781.640	44,85%
3	Anastrozol	Nhóm 3 + 5	1.036.136	3.916.594.080	238.580	901.832.400	23,03%
<b>Tổng</b>			<b>4.336.571</b>	<b>114.172.455.054</b>	<b>1.833.200</b>	<b>58.026.107.064</b>	<b>42,27%</b>
4	Capecitabin	BDG	8.040.014	500.820.512.074	3.515.520	218.985.256.320	43,73%
5	Capecitabin	Nhóm 1	8.955.019	374.898.401.130	3.148.418	131.753.372.040	35,16%
6	Capecitabin	Nhóm 2	2.094.350	24.922.765.000	27.980	332.962.000	1,34%
7	Capecitabin	Nhóm 3 + 5	4.786.638	37.269.309.762	1.380.480	10.744.499.520	28,84%
<b>Tổng</b>			<b>23.876.021</b>	<b>937.910.987.966</b>	<b>8.072.398</b>	<b>361.816.089.880</b>	<b>33,81%</b>
8	Docetaxel	BDG	38.992	391.527.700.598	15.145	152.074.451.825	38,84%
9	Docetaxel	Nhóm 1	79.102	59.864.314.498	25.614	19.384.649.586	32,38%
10	Docetaxel	Nhóm 2 + 5	39.439	18.102.382.683	5.752	2.640.150.744	14,58%
<b>Tổng</b>			<b>157.533</b>	<b>469.494.397.779</b>	<b>46.511</b>	<b>174.099.252.155</b>	<b>29,52%</b>
11	Oxaliplatin	BDG	34.217	280.520.976.183	15.398	126.237.308.685	45,00%
12	Oxaliplatin	Nhóm 1	190.811	85.273.435.900	44.984	20.103.349.600	23,58%
13	Oxaliplatin	Nhóm 2 + 5	96.444	28.962.133.200	20.177	6.059.153.100	20,92%
<b>Tổng</b>			<b>321.472</b>	<b>394.756.545.283</b>	<b>80.559</b>	<b>152.399.811.385</b>	<b>25,06%</b>
14	Paclitaxel	BDG	87.621	340.407.585.000	22.289	86.592.765.000	25,44%
15	Paclitaxel	Nhóm 1	128.938	83.124.910.282	27.817	17.933.313.913	21,57%
16	Paclitaxel	Nhóm 2 + 5	85.794	22.295.715.750	7.542	1.959.977.250	8,79%
<b>Tổng</b>			<b>302.353</b>	<b>445.828.211.032</b>	<b>57.648</b>	<b>106.486.056.163</b>	<b>19,07%</b>

Y  
 HUNG T  
 MUA S  
 TRUNG  
 QUỐC  
 \*

2/2/14

**Bảng 2: Danh sách 19 cơ sở y tế có hoạt chất có tỷ lệ thực hiện trên 80%**

STT	Tên đơn vị	Tên hoạt chất có tỷ lệ thực hiện năm 2018 lớn hơn 80%
1	BV UB Bắc Giang	Paclitaxel
2	BVĐK Tỉnh Bắc Giang	Paclitaxel
3	Bệnh viện đa khoa Tỉnh Bắc Ninh	Paclitaxel; Oxaliplatin
4	Bệnh viện đa khoa Tỉnh Hà Nam	Capecitabin
5	Bệnh viện Hữu Nghị	Oxaliplatin; Anastrozol
6	Bệnh viện đa khoa Tỉnh Hải Dương	Docetaxel; Oxaliplatin; Anastrozol
7	Bệnh viện Lao và bệnh Phổi Hải Dương	Docetaxel
8	BVĐK Tỉnh Phú Thọ	Anastrozol
9	BVĐK tư nhân Hùng Vương	Anastrozol
10	BV C Thái Nguyên	Anastrozol
11	BV Lao và bệnh Phổi Thái Nguyên	Anastrozol
12	BVĐK TW Thái Nguyên	Anastrozol
13	BVĐK tỉnh Tuyên Quang	Paclitaxel; Capecitabin
14	BVĐK tỉnh yên Bái	Docetaxel; Paclitaxel; Capecitabin
15	Bệnh viện đa khoa Tỉnh Đắk Lắk	Capecitabin
16	Bệnh viện đa khoa Tỉnh Hà Tĩnh	Anastrozol
17	Bệnh viện đa khoa Trung tâm An Giang	Capecitabin
18	Bệnh viện Bà Rịa	Capecitabin
19	Bệnh viện Ung bướu Cần Thơ	Oxaliplatin

*Nguyen*

M  
M  
CHU  
IA

**Bảng 3: Danh sách 17 Sở Y tế tỉnh/thành phố và Bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế có giá trị phân bổ trên 5 tỷ VNĐ nhưng có tỷ lệ thực hiện kết quả trúng thầu thấp (dưới 25%) so với giá trị trúng thầu được phân bổ**

STT	Tên đơn vị	Giá trị trúng thầu + điều tiết (VNĐ)	Giá trị thực hiện đến 31/12/2018 (VNĐ)	Tỷ lệ thực hiện đến 31/12/2018	Các hoạt chất có tỷ lệ thực hiện dưới 25%
<b>MIỀN BẮC</b>					
1	Bệnh viện Bạch Mai	206.058.466.500	34.571.833.526	16,78%	Anastrozol, Capecitabin, Docetaxel, Paclitaxel
2	SYT Hải Phòng	91.265.032.411	7.522.686.390	8,24%	Docetaxel, Oxaliplatin, Paclitaxel
3	Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng	27.912.983.100	1.145.557.807	4,10%	Anastrozol, Docetaxel, Oxaliplatin, Paclitaxel
4	Bệnh viện E	10.735.925.463	2.570.198.084	23,94%	Docetaxel
5	Bệnh viện Phụ sản TW	5.154.084.488	261.316.664	5,07%	Docetaxel
<b>MIỀN TRUNG</b>					
1	SYT Đà Nẵng	125.423.157.930	29.133.585.699	23,23%	Anastrozol, Capecitabin
2	SYT Nghệ An	85.625.971.002	14.039.458.799	16,40%	Anastrozol, Oxaliplatin, Paclitaxel
3	Bệnh viện C Đà Nẵng	53.040.547.786	1.119.627.287	2,11%	Anastrozol, Docetaxel, Oxaliplatin, Paclitaxel
4	SYT Bình Định	21.777.222.240	5.144.289.420	23,62%	Anastrozol, Capecitabin, Docetaxel, Oxaliplatin, Paclitaxel
5	SYT Thừa Thiên Huế	18.538.050.371	4.603.280.332	24,83%	Docetaxel, Oxaliplatin, Paclitaxel
6	SYT Quảng Trị	5.702.300.699	403.747.542	7,08%	Anastrozol, Capecitabin, Docetaxel, Oxaliplatin, Paclitaxel
7	SYT Quảng Nam	5.670.504.200	1.284.759.830	22,66%	Docetaxel, Oxaliplatin, Paclitaxel
<b>MIỀN NAM</b>					
1	SYT Đồng Nai	21.083.278.725	2.730.119.647	12,95%	Docetaxel, Oxaliplatin
2	SYT Bến Tre	20.663.399.900	861.824.410	4,17%	Anastrozol, Capecitabin, Docetaxel, Oxaliplatin, Paclitaxel
3	Bệnh viện đa khoa TW Cần Thơ	11.436.361.040	858.173.544	7,50%	Capecitabin, Oxaliplatin, Paclitaxel
4	Bệnh viện Trường ĐH Y Dược Cần Thơ	6.580.445.370	77.962.578	1,18%	Anastrozol, Capecitabin, Docetaxel, Oxaliplatin, Paclitaxel
5	SYT Kiên Giang	5.204.612.240	784.650.000	15,08%	Anastrozol, Capecitabin, Docetaxel, Oxaliplatin, Paclitaxel

*29/12*